TÒA ÁN ND HUYỆN S
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung.

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N - sinh năm 1981.
Địa chỉ: Xóm 2, xã S, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Lê H - sinh năm 1972.
Địa chỉ: Xóm 2, xã S, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa, có mặt: Chị N, vắng mặt: Anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2023, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Lê H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 20 tháng 7 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu xay xỉn, nghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể sống được với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê H.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Hồng D, sinh ngày 30/5/2008 và cháu Lê Hồng A, sinh ngày 15/02/2010. Hiện tại các cháu đang sinh sống cùng với mẹ. Cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, không bị đánh đập bạo hành. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Hồng D và Hồng A, không yêu

cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị buôn bán hàng tạp hóa tại nhà, mức thu nhập bình quân là 10.000.000đ/ tháng. Chị hoàn toàn có đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 27/4/2023, bị đơn là anh Lê H trình bày và đề nghị: Anh và chị Phạm Thị N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 20 tháng 7 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã An Nông, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hòa hợp. Vợ chồng sống ly tH từ tháng 12/2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh không bỏ vợ, còn chị N xin ly hôn là việc của chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Hồng D sinh ngày 30/5/2008 và cháu Lê Hồng A sinh ngày 15/02/2010. Các cháu khỏe mạnh, được đi học đầy đủ, không bị bạo hành. Anh đồng ý giao cả hai con cho chị N nuôi dưỡng. Về phần cấp dưỡng anh sẽ cấp dưỡng tùy theo khả năng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 16/5/2023, đại diện chính quyền UBND xã S, huyện S cung cấp: Chị Phạm Thị N và anh Lê H kết hôn ngày 20/7/2007 tại UBND xã A. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH mâu thuẫn là do anh H thường xuyên uống rượu, không chịu khó làm ăn, chửi bới, đánh vợ. Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Hồng D sinh ngày 30/5/2008 và cháu Lê Hồng A sinh ngày 15/02/2010. Các cháu khỏe mạnh, được đi học đầy đủ, không bị bạo hành.

Về điều kiện nuôi con của chị N: Chị N buôn bán tự do tại xã S, có sức khỏe, có thu nhập, có điều kiện nuôi con. Anh H thường xuyên uống rượu, không chịu làm ăn nên không nên không có đủ điều kiện nuôi con.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nH dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51,56,81,82,83 LHNGĐ: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Lê H. Về con chung giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hồng D sinh ngày 30/5/2008 và cháu Lê Hồng A sinh ngày 15/02/2010. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện xin ly hôn anh H cư trú tại xã S, huyện S, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện S theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa anh H vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Lê H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã A, huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 20 tháng 7 năm 2007 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, chửi, đánh vợ dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, sống không có tình cảm. Vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nH không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nH và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Lê H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Hồng D sinh ngày 30/5/2008 và cháu Lê Hồng A sinh ngày 15/02/2010.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của chị N: Chị N có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Anh H cũng đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử công nhận thoả thuận của đương sự về con chung, giao cả hai cháu cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nH và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Lê H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hồng D sinh ngày 30/5/2008 và cháu Lê Hồng A sinh ngày 15/02/2010. Các đương sự không yêu cầu giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0016954 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. S;
- Chi cục THA. S;
- UBND xã An Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu

TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2023
Tại: Trụ sở Tòa án nH dân huyện S
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nH dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Trần Xuân Anh

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 76/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp Hôn nH và gia đình:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N - sinh năm 1981.
Địa chỉ: Xóm 2, xã S, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Lê H - sinh năm 1972.
Địa chỉ: Xóm 2, xã S, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nH và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về Hôn nH: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Lê H.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về Con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Hồng D, sinh ngày 30/5/2008 và cháu Lê Hồng A, sinh ngày 15/02/2010. Các đương sự không yêu cầu giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0016954 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Chị N đã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2023

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊTÒA
Lê Hữu Thủy	**Trần Xuân Anh**	**Lê Thị Thu**

TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 7 năm 2023
Tại: Trụ sở Tòa án nH dân huyện S
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nH dân: Ông Lê Kim Cảnh và ông Lê Đăng Nhàn

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 76/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N - sinh năm 1981.
Địa chỉ: Xóm 2, xã S, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Lê H - sinh năm 1972.
Địa chỉ: Xóm 2, xã S, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 227, Điều 233,235 BLTTHS

Xét thấy: Bị đơn là anh Lê H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do chính đáng.

Hoãn phiên tòa xét xử vụ án dân sự thụ lý số 76/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi cn chung.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Thảo luận kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 7 năm 2023

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊTÒA**

Lê Kim Cảnh **Lê Đăng Nhàn** **Lê Thị Thu**